

I. HÌNH THỨC, THỜI GIAN LÀM BÀI

1. Hình thức: Trắc nghiệm.

2. Thời gian làm bài: 90 phút.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Đề thi gồm 2 phần

a) Phần I (Dạng D1) gồm có 30 câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 30. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

b) Phần II (Dạng D2) gồm có 04 câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm Đúng/Sai. Mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai.

2. Cách tính điểm

a) Phần I: Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.

b) Phần II:

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
- Tổng điểm tối đa toàn bài: 10,0 điểm.

III. PHẠM VI RA ĐỀ

Kiến thức liên quan đến cấp THPT dành cho môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1. Lớp 10: (Tỉ lệ: 10%)

- Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (Lập trình cơ bản).

2. Lớp 11: (Tỉ lệ: 36%)

- Chủ đề 11F_ICT. Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu.
- Chủ đề 11F_CS. Kỹ thuật lập trình.

3. Lớp 12: (Tỉ lệ: 54%)

- Chủ đề 12A. Máy tính và xã hội trí thức.
- Chủ đề 12B. Mạng máy tính.
- Chủ đề 12D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số.
- Chủ đề 12F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (Tạo trang web).
- Chủ đề 12G. Hướng nghiệp với tin học.
- Chủ đề 12E_ICT. Thực hành sử dụng phần mềm tạo trang web.
- Chủ đề 12F_CS. Giới thiệu Học máy và khoa học dữ liệu.

IV. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

| Chủ đề | Sử dụng và quản lí các phương tiện CNTT&TT (Nla) | | | Ứng dụng phù hợp trong môi trường số (Nlb) | | | Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (Nlc) | | | Tổng | | | Tỉ lệ |
|---|--|------------|----------|--|------------|----------|--|------------|----------|---------------|------------|----------|------------------|
| | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | Cấp độ tư duy | | | |
| | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | |
| 10F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (Lập trình cơ bản). | | | | | | | | 2 | 3 | | 2 | 3 | 10% |
| 11F_ICT. Thực hành tạo và khai thác cơ sở dữ liệu. | | | | | | | | 3 | 6 | | 3 | 6 | 18% ¹ |
| 11F_CS. Kỹ thuật lập trình. | | | | | | | | 4 | 5 | | 4 | 5 | 18% ¹ |
| 12A. Máy tính và xã hội trí thức. | | 1 | | | | | | | | | 1 | | 2% |
| 12B. Mạng máy tính. | | 1 | 2 | | | | | | | | 1 | 2 | 6% |
| 12D. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số | | | | | 1 | | | | | | 1 | | 2% |
| 12F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (Tạo trang web). | | | | | | | 2 | 2 | 4 | 2 | 2 | 4 | 16% ¹ |
| 12G. Hướng nghiệp với tin học. | | | | 1 | 1 | | | | | 1 | 1 | | 4% |
| 12E_ICT. Thực hành sử dụng phần mềm tạo trang web. | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 | 12% ² |
| 12F_CS. Giới thiệu Học máy và khoa học dữ liệu. | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 1 | 2 | 3 | 12% ² |
| Tỉ lệ % | | | | | | | | | | 10% | 38% | 52% | 100% |

Ghi chú:

(1): Bố trí câu hỏi dạng trắc nghiệm Đúng/Sai; (2): có thể bố trí câu hỏi dạng trắc nghiệm Đúng/Sai.

Tỉ lệ điểm quy về 50 lệnh hỏi dạng D1, mỗi lệnh 0,2 điểm. Mỗi câu D2 là 1 điểm gồm 4 ý, tương ứng số điểm 5 lệnh hỏi D1.

ICT: Định hướng Tin học ứng dụng.

CS: Định hướng Khoa học máy tính